

**THÔNG BÁO**  
**Về việc mời chào giá cạnh tranh bảo hiểm**  
**cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt năm 2026**

Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Thuận có nhu cầu mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt cho tài sản, công cụ dụng cụ của Công ty năm 2026.

- Địa điểm mua bảo hiểm gồm:

+ Tại Văn phòng Công ty, địa chỉ: Số 343 Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng.

+ Tại Văn phòng đại diện TP.HCM, địa chỉ: Số 45 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại Văn phòng đại diện Cần Thơ, địa chỉ: Số 88B, Ung Văn Khiêm, phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ.

+ Tại nhà tập thể, địa chỉ: Số 151 Lê Hồng Phong, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

- Thời gian mua bảo hiểm: 01 năm.

- Hiệu lực bảo hiểm: Từ 00 giờ 00 phút ngày 01/4/2026 đến 23 giờ 59 phút ngày 31/3/2027.

Nội dung danh mục yêu cầu chào giá: Theo danh mục đính kèm.

Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Thuận kính mời Quý đơn vị tham gia chào giá phí bảo hiểm có trách nhiệm khảo sát, kiểm tra, định giá theo danh mục tài sản, công cụ dụng cụ về mức lệ phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt có liên quan để tiến hành cung cấp mức giá lệ phí bảo hiểm cho Công ty. Mức giá lệ phí bảo hiểm là mức giá trọn gói bao gồm: Thuế, phí các loại theo quy định Nhà nước.

Thư chào giá của Quý đơn vị tham gia chào giá phí bảo hiểm phải được người đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu (*Trường hợp đại diện hợp pháp ủy quyền cấp dưới ký chào giá thì phải kèm theo giấy ủy quyền*), được niêm phong kín và có hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

Thời hạn kết thúc nhận thư chào giá: **16 giờ 30 phút ngày 13 tháng 3 năm 2026.**

Nơi nhận thư chào giá: Phòng Hành chính – Quản trị Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Thuận (*Địa chỉ: Số 343 Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng*).

Trường hợp Quý đơn vị gửi qua đường Bưu điện (*Chuyển phát nhanh*) thì phải thông báo cho Công ty được biết qua điện thoại: 02523822568 hoặc số fax:

0252.3821968 trước thời điểm kết thúc nhận thư chào giá. Thời gian nộp thư chào giá của Quý đơn vị được xác định theo ngày ghi trên dấu bưu điện.

Mọi chi tiết liên hệ phòng Hành chính – Quản trị thuộc Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Thuận, điện thoại: 0252.3826101 (ông Trương Thái Hùng).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị. /.

**Nơi nhận:**

- Thông báo trên Website Cty;
- Chủ tịch Cty (Báo cáo);
- Trưởng Ban kiểm soát;
- BDH Công ty;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT, HC-QT.



Trần Văn Ly

**DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHẤY NỔ BẮT BƯỚC VÀ CÁC RỦI RO ĐẶC BIỆT**  
**NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số/171/TB-XSKT ngày 10/3/2026 của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Thuận)



STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
A.	DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM (=I+II+III+IV+V)		135.259.496.989	93.048.606.735	135.185.030.989	
I.	TÀI SẢN TẠI TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÔ VĂN KIỆT (Số 343 Vô Văn Kiệt, Phường Phú Thủy, Tỉnh Lâm Đồng)		130.448.636.618	89.647.940.280	130.448.636.618	100% giá trị tài sản
1	Trụ sở làm việc Vô Văn Kiệt (VP Cty), trong đó: + Chi phí thiết bị + Chi phí xây dựng	2020	113.077.237.095	89.453.124.861	112.765.125.254	
2	Vách ngăn kính (Phòng máy chủ Server)	2020	65.046.181	0	65.046.181	
3	Hệ thống máy xó số tự động (2020)	2020	5.149.081.818	0	5.149.081.818	
4	Máy Photocopy Konica Bizhub 550i (P. HC - QT)	2021	98.436.364	0	98.436.364	
5	Máy Photocopy Konica Bizhub 450i (P. TC - KT)	2021	82.836.363	0	82.836.363	
6	Hệ thống âm thanh chuyên dụng (Phòng họp)	2022	135.600.000	0	135.600.000	
7	Bảng thông báo điện tử Led	2020	143.315.000	0	143.315.000	
8	Thiết bị truyền trực tuyến (Phòng họp)	2020	193.300.000	1.676.146	193.300.000	
9	Máy chiếu Sony VPL CXZ10 (Hội trường Công ty)	2022	45.000.000	15.525.000	45.000.000	
10	Hệ thống mạng Wifi Văn phòng Trụ sở Công ty	2026	51.800.000	50.515.278	51.800.000	
11	Bàn họp 3 (Phòng họp Tầng 7)	2020	77.272.727	0	77.272.727	
12	Bàn họp 4 (Phòng họp Tầng 5)	2020	121.818.182	0	121.818.182	
13	Bộ Salon gỗ Hương đá (Phòng Chủ tịch)	2020	64.180.000	0	64.180.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
14	Bộ Salon gỗ Hương xám (lớn) - Sảnh Tầng 1	2020	48.720.000	0	48.720.000	
15	Bộ Salon gỗ Hương xám (lớn) - Sảnh Tầng 1	2020	48.720.000	0	48.720.000	
16	Bộ Salon gỗ hồng tùng lớn (Phòng Giám đốc)	2020	36.272.727	0	36.272.727	
17	Thảm sân cầu lông (Phòng Sinh hoạt tập thể)	2020	35.200.000	0	35.200.000	
18	Phản mềm Bravo (Văn phòng Công ty)	2016	586.100.000	16.363.860	586.100.000	
19	MÁY PHOTO KTS RICOH MP 2500 (P. Phát hành)	2010	54.880.000	0	54.880.000	
20	Máy PHOTO RICOH MP3053 (P.TC-LDPTL)	2014	81.272.728	0	81.272.728	
21	Máy PHOTO RICOH MP 2001L (P.Kinh doanh)	2015	39.000.000	0	39.000.000	
22	Máy PHOTO RICOH MP 2501L (P.Trà thượng)	2015	54.045.455	0	54.045.455	
23	Hệ thống xò số tự động (2015)	2015	4.744.481.818	0	4.744.481.818	
24	Hệ thống Camera Công ty (P.KD_Bộ phận Lô tô)	2011	79.291.504	0	79.291.504	
25	Máy quay phim (Camera) Sony (P.HC - QT)	2012	31.419.000	0	31.419.000	
26	Hệ thống máy điện thoại dây nóng (VP Công ty)	1999	41.586.966	0	41.586.966	
27	Máy phát sóng FM 100W (TQT)	1993	80.000.000	0	80.000.000	
28	Hệ thống máy chủ (Server) - (VP Công ty)	2015	248.512.000	0	248.512.000	
29	Tủ đựng hồ sơ ( P. Phát hành)	2009	7.800.000	0	7.800.000	
30	03 bộ Máy vi tính (Phòng TC-LDPTL, Trâm KT, P. HC-QT)	2010	26.400.000	0	26.400.000	
31	Tủ đựng hồ sơ ( P.HC - QT)	2010	7.254.545	0	7.254.545	
32	Tủ hồ sơ 2.0 ( Phòng Chủ tịch )	2011	8.909.091	0	8.909.091	
33	Bộ máy vi tính TLC B-2G (TC-LDPTL )	2011	9.636.364	0	9.636.364	
34	Bộ truyền dẫn âm thanh qua điện thoại (HC-QT)	2005	10.956.000	0	10.956.000	
35	Bộ CAMERA giám sát ghi hình tự động (HC-QT)	2007	14.000.000	0	14.000.000	
36	Bộ lòng cầu quay số (P. HC-QT)	2008	13.800.000	0	13.800.000	
37	Máy Vi tính SIC : Phòng HC - QT	2007	16.508.363	0	16.508.363	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Chi chú
38	Bộ loa Boss (Phòng HC-QT)	2012	8.090.909	0	8.090.909	
39	Tủ gỗ 3 tầng (P. Trà thương)	2012	24.545.454	0	24.545.454	
40	Tủ gỗ 4 tầng (P. TC-KT)	2013	8.636.364	0	8.636.364	
41	Máy chiếu Panasonic LB75NTEA	2011	21.402.000	0	21.402.000	
42	Máy VT Server XEON (Phòng TC - KT)	2009	18.930.000	0	18.930.000	
43	Bộ vi tính Phòng kinh doanh	2011	12.320.000	0	12.320.000	
44	Bộ vi tính Phòng kinh doanh	2011	10.000.000	0	10.000.000	
45	Bộ vi tính P. trả thưởng (Phòng trả thưởng_ Tổng hợp)	2011	12.500.000	0	12.500.000	
46	Laptop Dell Ins15RN5110 (Phòng HC - QT)	2012	21.090.909	0	21.090.909	
47	Tủ hồ sơ 2,4 x 2,4( P.HC - QT)	2012	16.181.818	0	16.181.818	
48	Tủ hồ sơ ( Phòng kinh doanh)	2012	15.272.727	0	15.272.727	
49	Kệ sắt để hồ sơ (3,6 x 2,1) - TCKT	2012	11.232.000	0	11.232.000	
50	Kệ sắt để hồ sơ (5,05 x 2,1) - TCKT	2013	11.694.000	0	11.694.000	
51	Máy vi tính (Phòng HC - QT)	2013	9.000.000	0	9.000.000	
52	Máy vi tính (Phòng TC-L-DTL)	2013	9.000.000	0	9.000.000	
53	02 Bàn làm việc gỗ (P. Kế toán)	2014	8.109.092	0	8.109.092	
54	04 Bàn làm việc gỗ (P. Trà thương)	2014	13.527.272	0	13.527.272	
55	Bàn làm việc 2 cái (P. Kế toán)	2014	6.763.636	0	6.763.636	
56	Ghế gỗ (10 cái - Phòng TC-KT)	2014	12.727.273	0	12.727.273	
57	Bàn làm việc (02 cái - Phục tra vé thưởng)	2014	7.672.727	0	7.672.727	
58	Bàn làm việc (02 cái - Phòng Trà thương)	2014	7.127.273	0	7.127.273	
59	Bàn làm việc (03 cái: ngân hàng, TM, Công nợ)	2014	10.690.909	0	10.690.909	
60	Máy vi tính bộ (Phòng Phát hành)	2014	10.727.273	0	10.727.273	
61	LaptopDell 3542DND i7-4510U (A.Ly - GD)	2015	16.818.182	0	16.818.182	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị để xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
62	Máy in HP 401D (A. Ly - GD)	2015	6.545.454	0	6.545.454	
63	Tủ gỗ (Phòng TC-LBTL)	2015	5.418.182	0	5.418.182	
64	02 Bộ máy vi tính (P.TC-LBTL)	2015	21.454.546	0	21.454.546	
65	Đầu CPU (Phòng Trả thưởng)	2015	8.636.364	0	8.636.364	
66	Bàn máy tính (P.HC-QT)	2015	19.783.636	0	19.783.636	
67	Bàn làm việc (Phòng HC-QT)	2015	20.386.364	0	20.386.364	
68	03 mặt bàn inox 2,2m x 1,2m ( Phòng Phát hành)	2015	10.581.819	0	10.581.819	
69	04 mặt bàn inox 2,4m x 0,7m (P. PH)	2015	12.400.000	0	12.400.000	
70	Ổ cứng di động (P. TC-KT)	2016	2.654.545	0	2.654.545	
71	Amply QSMT (Phòng HC-QT)	2016	3.850.000	0	3.850.000	
72	Ổ cứng HDD 4TB WD Passport (Phòng HC-QT)	2016	3.909.091	0	3.909.091	
73	02 Bàn máy in (Phòng TC-LBTL)	2016	1.800.000	0	1.800.000	
74	Ổ cứng di động (Phòng TC-LBTL)	2016	1.318.182	0	1.318.182	
75	Bàn làm việc (Thủ kho - P.TC-KT)	2015	3.418.182	0	3.418.182	
76	Cần điện tử	2015	7.500.000	0	7.500.000	
77	Bàn làm việc (2,2 x 1,2 x 0,77) P. Phát hành	2015	9.163.636	0	9.163.636	
78	Bàn làm việc (0,8 x 1,6 x 0,77) P. Phát hành	2015	3.363.636	0	3.363.636	
79	Máy in Laser HP 401D (Kế toán trưởng)	2016	5.363.636	0	5.363.636	
80	Bàn làm việc (Phòng Trả thưởng)	2015	3.780.000	0	3.780.000	
81	CPU (Phòng Kinh Doanh)	2015	8.636.364	0	8.636.364	
82	Ti vi LCD Sony 48 inch (Hội trường)	2015	12.744.918	0	12.744.918	
83	Ti vi LCD Sony 48 inch (Hệ thống giám sát bảo vệ)	2015	12.815.373	0	12.815.373	
84	Máy ảnh canon (Phòng HC - QT)	2015	13.454.545	0	13.454.545	
85	Bộ máy vi tính (Phòng TC-KT)	2016	12.436.364	0	12.436.364	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đv: đồng)	Giá trị còn lại (Đv: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đv: đồng)	Ghi chú
86	Bộ máy vi tính (Phòng TC-LBTL)	2015	17.000.000	0	17.000.000	
87	Bộ máy vi tính (Phòng HC-QT)	2016	17.000.000	0	17.000.000	
88	Bộ máy in (Phòng TC-LBTL)	2016	5.727.273	0	5.727.273	
89	02 máy in Laser HP 402DN ( Phòng Kinh doanh)	2016	9.454.546	0	9.454.546	
90	04 Ghế ngồi ( Phòng Kinh doanh - Bộ phận Lô tô)	2016	9.090.909	0	9.090.909	
91	Máy làm nóng nước uống Alaska ( Phòng Kinh doanh - Lô tô)	2016	2.665.199	0	2.665.199	
92	Màn hình máy vi tính Dell P1917S ( Phòng TC-KT)	2016	3.409.091	0	3.409.091	
93	Ghế xoay lưng cao ( Phó phòng Kinh doanh)	2016	1.500.000	0	1.500.000	
94	Thang Inox (Phòng HC-QT)	2016	2.100.000	0	2.100.000	
95	Máy fax KXMB 2120 ( Phòng Kinh doanh - Lô tô)	2016	3.636.364	0	3.636.364	
96	Tủ đựng hồ sơ (Phòng HC-QT)	2016	14.800.000	0	14.800.000	
97	Bàn làm việc (Phó phòng HC - QT)	2016	7.727.273	0	7.727.273	
98	Bàn làm việc quản lý (Phòng Kinh doanh )	2016	5.454.546	0	5.454.546	
99	04 Bàn Làm việc (Phòng HC - QT )	2016	20.454.545	0	20.454.545	
100	Ti vi LCD Sony 48 inch (Phòng HC-QT - Bảo vệ)	2016	7.172.727	0	7.172.727	
101	Tủ đựng hồ sơ (Phòng HC - QT_Văn thư)	2016	8.136.364	0	8.136.364	
102	Máy in (Phòng TC-KT: Tho)	2016	5.772.727	0	5.772.727	
103	Đầu CPU (Phòng TC-KT)	2016	9.909.091	0	9.909.091	
104	Bộ máy vi tính (CPU+máy in) (Phòng Kiểm soát viên)	2016	18.318.182	0	18.318.182	
105	Bộ máy vi tính (Phòng TC-KT: phục tra vé TT)	2016	12.545.455	0	12.545.455	
106	09 Ổ đĩa cứng HDD 4TB WD tím ( Phòng HC-QT)	2016	28.063.636	0	28.063.636	
107	Ôn áp Lion 15KVA (P.Phát sóng)	2016	6.756.364	0	6.756.364	
108	Máy in RICOH SP 310SFN (Anh Hiệp - Chủ tịch)	2016	6.454.545	0	6.454.545	
109	Tủ hồ sơ (Phòng Kinh doanh)	2016	8.700.000	0	8.700.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
110	Máy hủy giấy (Phòng TC-KT)	2016	7.090.909	0	7.090.909	
111	09 Ổ đĩa lưu trữ Camera giám sát VP (Phòng HC-QT - Thiện)	2016	35.100.000	0	35.100.000	
112	Đầu ghi Camera (Phòng HC-QT - Thiện)	2016	6.181.818	0	6.181.818	
113	CPU máy tính HP 550-031L (Phòng TC-KT - KT tiền mặt)	2016	10.090.909	0	10.090.909	
114	CPU máy tính HP 550-031L (Phòng TC-KT - KT Trà thượng)	2016	10.090.909	0	10.090.909	
115	Bộ máy vi tính (Phòng Kinh doanh)	2016	11.772.727	0	11.772.727	
116	Máy in (Phòng Kinh doanh)	2016	5.772.727	0	5.772.727	
117	CPU máy tính HP 550-031L (Phòng TC-KT - Phúc tra)	2017	10.090.909	0	10.090.909	
118	Bộ máy vi tính (Phòng TC-KT)	2016	11.527.273	0	11.527.273	
119	Tủ đựng hồ sơ (Phòng HC-QT)	2016	6.000.000	0	6.000.000	
120	Bộ máy vi tính quản trị mạng (Phó Giám đốc - A. Cảnh)	2016	18.650.000	0	18.650.000	
121	Bộ máy vi tính quản trị mạng (Phòng máy chủ Server)	2016	18.650.000	0	18.650.000	
122	Bộ máy vi tính quản trị mạng (Giám đốc - A. Ly)	2017	18.650.000	0	18.650.000	
123	04 Bộ máy vi tính HP IS 550-162L (BP vé số Lô tô)	2016	44.981.818	0	44.981.818	
124	02 Tủ đựng hồ sơ (Bộ phận Lô tô)	2016	28.181.819	0	28.181.819	
125	01 Bàn làm việc Quản lý (Bộ phận Lô tô)	2016	6.363.636	0	6.363.636	
126	02 Bàn làm việc nhân viên (Bộ phận Lô tô)	2016	10.909.091	0	10.909.091	
127	01 Máy lạnh Toshiba 1,5HP (Phòng Bảo vệ)	2016	8.500.000	0	8.500.000	
128	01 Máy lạnh Toshiba 2,0HP (Phòng Bảo vệ)	2016	12.220.000	0	12.220.000	
129	02 Bộ máy tính HP 280G2M (Phòng Lô tô)	2017	19.636.364	0	19.636.364	
130	02 Màn hình máy tính HP V193B (Phòng Lô tô)	2017	3.054.546	0	3.054.546	
131	06 Bàn làm việc nhân viên (Phòng Lô tô)	2018	32.727.273	0	32.727.273	
132	Máy in HP 402DN (P.Phó giám đốc-A.Cảnh)	2017	4.545.455	0	4.545.455	
133	Tủ lạnh AQUA (P.Phó giám đốc-A.Cảnh)	2017	2.434.909	0	2.434.909	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đơn: đồng)	Giá trị còn lại (Đơn: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đơn: đồng)	Ghi chú
134	Xe đẩy vé 1 cái (P.Phát hành)	2017	4.727.272	0	4.727.272	
135	Máy đếm tiền 2 cái ( Phòng Trả thưởng )	2018	9.636.364	0	9.636.364	
136	Máy in HP 402DN (Phòng Trưởng ban kiểm soát)	2018	4.545.455	0	4.545.455	
137	Máy in HP 402DN (Phòng HC-QT)	2018	4.545.455	0	4.545.455	
138	Máy làm nóng lạnh nước uống Alaska R81C (HC-QT - Văn thư)	2018	2.780.909	0	2.780.909	
139	Máy in HP 402DN (Phòng TC-KT)	2018	4.545.455	0	4.545.455	
140	Monitor HP V194 (TP Phòng HC-QT - Hùng)	2018	1.480.000	0	1.480.000	
141	Máy in HP 402DN (Phòng TC-KT - Thủ quỹ)	2018	4.545.454	0	4.545.454	
142	Máy Fax Panasonic KX-FL612 (Phòng Phát hành)	2018	4.700.000	0	4.700.000	
143	Màn hình Samsung S20 D300NH (P.Trưởng phòng Phát hành)	2018	2.000.000	0	2.000.000	
144	Máy lạnh Casper 2HP (Phòng máy chủ)	2017	10.000.000	0	10.000.000	
145	Máy photocopy RICOHMP2014AD (Bộ phận Lô tô - P. KD)	2017	24.618.182	0	24.618.182	
146	Bàn làm việc (Phòng PGD - D/c Cảnh)	2017	9.500.000	0	9.500.000	
147	Bộ máy vi tính (Kế toán Ngân hàng - Phòng TCKT)	2017	10.090.909	0	10.090.909	
148	Máy in HP 402DN (Phòng TC-LDTL)	2018	4.545.455	0	4.545.455	
149	10 Máy đếm tiền XD 0181 (Phòng Phát hành)	2019	54.545.455	0	54.545.455	
150	Máy làm nóng lạnh nước uống Alaska R81C (Phòng Phát hành)	2019	2.950.000	0	2.950.000	
151	Máy Laptop Dell Vostro 3568 (Phòng HC - QT)	2018	14.850.000	0	14.850.000	
152	Máy vi tính bộ HP pavilion 570-P016L (Trưởng phòng HC-QT)	2018	10.000.000	0	10.000.000	
153	Xe nâng hàng AC-30 (xe nâng + bàn inox)	2018	7.600.000	0	7.600.000	
154	Máy lạnh Casper 2HP (Phòng máy chủ)	2018	10.500.000	0	10.500.000	
155	Bộ máy vi tính (Máy bộ HP+Monitor+UPS) - P.TC-KT)	2018	12.652.727	0	12.652.727	
156	Ổ cứng HDD 2TB WD my passport (Phòng TC - KT)	2019	2.550.000	0	2.550.000	
157	Máy Fax Brother 2840 (Phòng Tài chính - Kế toán)	2019	4.200.000	0	4.200.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
158	Tủ đựng hồ sơ (Phòng Kế toán trưởng)	2018	18.800.000	0	18.800.000	
159	CPU HP 400MT (Phó Trưởng phòng Kinh doanh)	2018	10.363.636	0	10.363.636	
160	Máy in HP 404DN (Phòng HC - QT)	2020	4.636.364	0	4.636.364	
161	03 Máy đêm (Phòng Phát hành)	2020	14.454.546	0	14.454.546	
162	17 Máy đêm Xinda 0181 (Phòng Phát hành)	2020	105.090.909	0	105.090.909	
163	03 Xe nâng tay (Phòng Phát hành)	2020	17.100.000	0	17.100.000	
164	Xe đẩy vé inox (Phòng Phát hành)	2020	3.800.000	0	3.800.000	
165	Loa kéo di động Dalton TS-3000N (Phòng HC - QT)	2019	8.718.182	0	8.718.182	
166	Máy Laptop Dell N3580 (Trường phòng HC - QT)	2020	12.700.000	0	12.700.000	
167	Máy Laptop Dell N3593 (Phòng Chủ tịch)	2020	19.636.364	0	19.636.364	
168	Bàn làm việc 1 (Phòng Giám đốc)	2020	13.045.455	0	13.045.455	
169	02 Bàn làm việc 2 (Phòng Kiểm soát viên)	2020	22.181.818	0	22.181.818	
170	07 Bàn làm việc 3 (có khóa loại tốt)	2020	59.818.181	0	59.818.181	
171	04 Bàn phân soạn vé (Bàn bọc inox bỏ ghế)	2020	59.636.364	0	59.636.364	
172	03 Bàn làm việc HDGS (Bàn tron không ghế)	2020	24.000.000	0	24.000.000	
173	04 Bàn phụ (có khóa loại tốt)	2020	21.818.182	0	21.818.182	
174	02 Tủ hồ sơ cánh gỗ phân trên không ngăn (P.Chủ tịch, P.GD)	2020	25.818.182	0	25.818.182	
175	47 Tủ hồ sơ cánh kính phân trên 4 ngăn	2020	603.727.273	0	603.727.273	
176	44 Tủ hồ sơ thấp	2020	180.000.000	0	180.000.000	
177	02 Vách background	2020	28.181.818	0	28.181.818	
178	02 Bàn họp 1	2020	23.636.364	0	23.636.364	
179	Bàn họp 2	2020	8.818.182	0	8.818.182	
180	02 Ghế chủ tọa (có nệm, bọc bố/ ni) _ Phòng họp	2020	18.181.818	0	18.181.818	
181	105 Ghế họp (có nệm vàng, bọc bố/ ni)	2020	221.454.545	0	221.454.545	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đơn: đồng)	Giá trị còn lại (Đơn: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đơn: đồng)	Ghi chú
182	06 Bộ Salon gỗ Hương xám (nhỏ)	2020	152.040.000	0	152.040.000	
183	Tranh thêu tay "Hò sơn lâm" (Phòng HC-QT)	2020	12.500.000	0	12.500.000	
184	Bàn làm việc 2 - Phòng Kế toán trưởng	2020	11.090.909	0	11.090.909	
185	Bàn phụ - Phòng Kế toán trưởng	2020	5.454.546	0	5.454.546	
186	Tủ lạnh Sharp (Phòng Giám đốc)	2020	4.300.000	0	4.300.000	
187	Tủ lạnh Sharp (Phòng Phó giám đốc A. Khang)	2020	4.300.000	0	4.300.000	
188	Tủ lạnh Sharp (Phòng Kiểm soát viên)	2020	4.300.000	0	4.300.000	
189	Tủ lạnh Sharp (Phòng Kế toán trưởng)	2020	4.300.000	0	4.300.000	
190	Máy nước uống nóng lạnh Toshiba (Phòng Phát hành)	2020	4.080.000	0	4.080.000	
191	02 Máy nước uống nóng lạnh Toshiba (Phòng HC - QT: Hội trường và Phòng sinh hoạt tập thể)	2020	8.160.000	0	8.160.000	
192	Bộ máy vi tính HP (Phòng Kế toán trưởng)	2020	16.804.545	0	16.804.545	
193	Bộ máy vi tính HP (Phòng TC - KT: Kế toán thuế)	2020	16.804.545	0	16.804.545	
194	Máy in HP 404DN (Phòng TC - KT)	2020	4.154.545	0	4.154.545	
195	Máy in HP 404DN (Phòng Giám đốc A.Khang)	2020	4.154.546	0	4.154.546	
196	Bộ máy vi tính HP (Phòng Giám đốc A. Khang)	2020	16.804.546	0	16.804.546	
197	Máy in HP 404DN (Phòng Phát hành: Phòng kiểm đếm vé)	2020	4.154.546	0	4.154.546	
198	Bộ máy vi tính HP (Phòng Phát hành: Phòng kiểm đếm vé)	2020	16.804.546	0	16.804.546	
199	Máy in HP 404DN (Phòng Kinh doanh)	2020	4.154.545	0	4.154.545	
200	Máy in HP 404DN (Trường phòng Trả thưởng)	2020	4.154.546	0	4.154.546	
201	Bộ máy vi tính HP (Trường phòng Trả thưởng)	2020	16.804.546	0	16.804.546	
202	Máy in HP 404DN (Phòng Trả thưởng)	2020	4.154.545	0	4.154.545	
203	Bộ máy vi tính HP (Phòng Trả thưởng)	2020	16.804.545	0	16.804.545	
204	Bộ máy vi tính HP (Phòng Trả thưởng)	2020	16.804.546	0	16.804.546	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị để xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
205	Máy in HP 404DN (Phòng TC - LĐTL: Cường)	2020	4.154.546	0	4.154.546	
206	Bộ máy vi tính HP (Trường phòng HC - QT)	2020	16.804.545	0	16.804.545	
207	Máy in HP 404DN (Phòng HC - QT: Văn thư)	2020	4.154.545	0	4.154.545	
208	Máy đóng chứng từ HT- 50 (Phòng TC - KT)	2020	17.727.273	0	17.727.273	
209	05 Ghế nệm TQ09 (Phòng HC - QT)	2020	22.727.273	0	22.727.273	
210	07 Ghế nệm SG910 (Phòng HC - QT)	2020	26.409.091	0	26.409.091	
211	Bộ Salon gỗ hồng tùng (Phòng Kiểm soát viên)	2020	27.181.818	0	27.181.818	
212	Tủ móc khóa (Phòng Bảo vệ)	2021	21.000.000	0	21.000.000	
213	06 Bộ máy vi tính HP (P.TC-KT: 02, P.TT: 02, P.HC-QT: 02)	2021	100.827.273	0	100.827.273	
214	04 Ghế nệm SG910 (PP.PH, PP.TC-LĐTL, PP.HC-QT, PP.KD)	2021	15.090.908	0	15.090.908	
215	02 Xe đẩy tiện ích (Phòng HC - QT: Hội trường)	2021	17.000.000	0	17.000.000	
216	10 Kệ sắt (Phòng TC - KT: Kho lưu trữ vé trưng thường)	2021	32.600.000	0	32.600.000	
217	Dù lều tam vuông (Phòng HC - QT: Bảo vệ)	2021	3.900.000	0	3.900.000	
218	03 Máy đêm (Phòng Trà thường)	2021	18.545.455	0	18.545.455	
219	Màn sáo cuốn, màn vải chống nắng Văn phòng Công ty	2021	197.234.000	0	197.234.000	
220	Máy nước uống nóng lạnh Toshiba (Phòng Trà thường)	2021	4.080.000	0	4.080.000	
221	Máy nước uống nóng Toshiba (Phòng HC - QT: Bảo vệ)	2021	4.080.000	0	4.080.000	
222	02 Máy đêm (Phòng Trà thường)	2021	12.363.636	0	12.363.636	
223	28 Bàn để máy vi tính (P.TT: 03 cái; P.KD: 05 cái; P.TC-KT: 10 cái; P.TC-LĐTL: 06 cái; P.HC-QT: 04 cái)	2021	126.763.636	0	126.763.636	
224	Máy hủy giấy, tài liệu (Phòng Giám đốc)	2021	6.800.000	0	6.800.000	
225	Bộ máy vi tính HP (Phòng HC - QT _A. Danh)	2021	18.650.000	0	18.650.000	
226	Máy in HP 404DN (Phòng TC - LĐTL_a. Luân)	2021	5.636.364	0	5.636.364	
227	Bảng thông báo kết quả quay số mở thưởng (P. HC - QT)	2021	7.100.000	0	7.100.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
228	Thang nhôm gấp Nikawa NKB-46 (P. HC - QT)	2021	7.000.000	0	7.000.000	
229	Ổ cứng HDD 300GB 6G_Mây Server (Phòng HC - QT)	2022	12.000.000	0	12.000.000	
230	06 Bàn làm việc (04 bàn phụ: 02 P.GD, P.P.H, P.P.KD; 02 bàn làm việc: P.TC-KT, P.TT), 01 tủ hồ sơ 4 ngăn_P. HC-QT, 01 ghế dài+giường_P.HC-QT, 45 ghế gỗ_Hội trường	2022	120.545.455	0	120.545.455	
231	Máy đếm tiền (Phòng TC - KT: Thủ quỹ)	2022	11.363.636	0	11.363.636	
232	Máy in HP 404DN (Phòng TC - LĐTL: Thuong)	2022	6.000.000	0	6.000.000	
233	Máy in HP 404DN (Phòng Trả thưởng: Tổng hợp)	2022	6.000.000	0	6.000.000	
234	Đèn trần sân khấu Hội trường (07 Bộ)	2022	4.760.000	0	4.760.000	
235	Trang trí phòng họp Văn phòng (Phòng họp Tầng 5)	2022	41.962.000	0	41.962.000	
236	Máy in HP 404DN (Phòng Phát hành)	2022	6.000.000	0	6.000.000	
237	Bục để tượng Bác Hồ (Phòng HC - QT: Hội trường)	2022	8.900.000	0	8.900.000	
238	Máy chà sàn liên hợp Hiclean Model HC50C	2022	28.000.000	0	28.000.000	
239	Laptop Dell INS 3511 (Phòng HC - QT: Hội trường QSMT)	2022	21.000.000	0	21.000.000	
240	Máy fax Brother 2840 (Phòng Phát hành)	2023	4.230.000	0	4.230.000	
241	05 Máy đếm vé (Phòng Trả thưởng)	2023	30.909.092	0	30.909.092	
242	Bộ máy vi tính HP (Máy tính, màn hình, UPS)_P. Trả thưởng	2023	16.400.000	0	16.400.000	
243	Máy in HP 404DN (Phòng Trả thưởng)	2023	5.700.000	0	5.700.000	
244	Máy tính xách tay Dell Vostro 5620 I7 (Phó GD_A. Cảnh)	2023	23.400.000	0	23.400.000	
245	Máy tính xách tay Dell Vostro 5620 I7 (A. Tùng)	2023	23.400.000	0	23.400.000	
246	Máy tính xách tay Dell Vostro 5620 I5 (A. Thảo)	2023	20.000.000	0	20.000.000	
247	Máy tính xách tay Dell Vostro 5620 I5 (C. Dầu)	2023	20.000.000	0	20.000.000	
248	Máy tính xách tay Dell INS16 (PP. Kinh doanh: A. Tài)	2023	17.000.000	0	17.000.000	
249	Máy tính xách tay Dell INS16 (A. Hùng)	2023	17.000.000	0	17.000.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đơn: đồng)	Giá trị còn lại (Đơn: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đơn: đồng)	Ghi chú
250	Máy tính xách tay Dell INS16 ( C. Thọ)	2023	17.000.000	0	17.000.000	
251	Máy tính xách tay Dell INS16 (KTT: C. Doan)	2023	17.000.000	0	17.000.000	
252	Bộ máy tính (Máy tính để bàn, màn hình, UPS) P. PH	2023	15.518.182	0	15.518.182	
253	Bộ máy tính ( màn hình, UPS) P.TC - KT: Huệ	2023	15.310.000	0	15.310.000	
254	Máy in HP 404DW (Phòng TC - KT: Huệ)	2023	6.430.000	0	6.430.000	
255	Bộ bàn ghế làm việc (Phòng TC - KT: Huệ)	2023	11.800.000	0	11.800.000	
256	10 Kệ sắt (Phòng TC - KT: Kho lưu trữ vé trưng thưởng)	2023	28.800.000	0	28.800.000	
257	02 Bàn làm việc HDGS (Phòng TC - KT BP phúc tra)	2023	17.929.630	0	17.929.630	
258	Máy làm nóng lạnh nước uống Toshiba (P. TC - LĐTL)	2023	3.090.741	0	3.090.741	
259	Máy đếm vé (Phòng Phát hành)	2023	6.181.818	0	6.181.818	
260	Máy in HP 404 DW (Phó phòng Kinh doanh C. Hằng)	2023	5.950.000	0	5.950.000	
261	Máy in HP 404 DW (Phòng TT_Quầy giao dịch)	2023	5.950.000	0	5.950.000	
262	Máy fax Brother 2840 (Phòng Trả thưởng)	2023	4.400.000	0	4.400.000	
263	Máy in HP 404 DW (Phòng TC-KT: Bộ phận phúc tra)	2023	5.950.000	0	5.950.000	
264	02 CPU máy vi tính để bàn HP (P. Tài chính - Kế toán)	2024	30.600.000	0	30.600.000	
265	Hệ thống camera giám sát nội bộ (P.Trả thưởng, kho cũi vé, kho PH)	2024	29.309.091	6.106.063	29.309.091	
266	Bộ máy tính HP (Máy tính để bàn, màn hình, UPS)_Phòng Trả thưởng	2024	18.454.545	3.844.704	18.454.545	
267	Bộ máy tính HP (Máy tính để bàn, màn hình, UPS)_TP Kinh doanh	2024	19.636.364	4.909.088	19.636.364	
268	02 Tủ gỗ sồi (Phòng TC-KT_ Bộ phận phúc tra)	2024	24.000.000	6.000.000	24.000.000	
269	Máy in HP 406DN (Phòng Phó GD_C. Đầu)	2025	6.600.000	0	6.600.000	
270	Máy in HP 406DN (Phòng Phát hành Phó phụ trách phòng)	2025	6.000.000	500.000	6.000.000	
271	Tủ lạnh Sharp (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	4.727.273	2.166.663	4.727.273	
272	Bàn làm việc (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	17.000.000	7.791.671	17.000.000	
273	Bàn phụ đề máy vi tính (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	6.500.000	2.979.171	6.500.000	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đơn: đồng)	Giá trị còn lại (Đơn: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đơn: đồng)	Ghi chú
274	03 Tủ hồ sơ (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	40.500.000	18.562.500	40.500.000	
275	03 Tủ hồ sơ thấp (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	16.500.000	7.562.500	16.500.000	
276	Ghế lãnh đạo TQ33 (Phòng Phó Giám đốc_C. Đầu)	2025	4.850.000	2.222.921	4.850.000	
277	Bộ máy tính HP (Máy tính để bàn, màn hình, UPS)_Phòng Phát hành	2025	18.710.000	10.134.587	18.710.000	
278	Máy điều hòa không khí treo tường Fujitsu 1,5HP (Phòng máy chủ)	2025	10.454.545	6.098.485	10.454.545	
279	Máy in Brother MFC (Phòng Kinh doanh_Lô tô)	2025	5.300.000	883.330	5.300.000	
280	UPS Santak 1200VA (Bình tích điện) - Phòng máy chủ	2025	3.500.000	583.330	3.500.000	
281	Máy in HP 406DN (Phòng Kinh doanh)	2025	6.435.186	4.290.122	6.435.186	
282	10 Tủ đựng sắt đựng hồ sơ (Phòng Tài chính - Kế toán)	2025	34.800.000	26.100.000	34.800.000	
II.	<b>TÀI SẢN TẠI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TP.HCM (Số 45 Mạc Đình Chi, Phường Sài Gòn, TP. HCM)</b>		<b>4.491.855.388</b>	<b>3.400.666.455</b>	<b>4.491.855.388</b>	<b>100% giá trị tài sản</b>
1	VPBD TP.HCM (2021)	2021	4.260.776.989	3.380.674.557	4.260.776.989	
2	Máy PHOTO RICOH MP 2001L (VPBD TP.HCM)	2015	40.636.364	0	40.636.364	
3	Bàn làm việc (03 cái - VPBD TP.HCM)	2014	20.496.375	0	20.496.375	
4	Vị tính + máy in + Bàn vị tính (VPBD TP.HCM)	2015	15.533.640	0	15.533.640	
5	Bàn làm việc (VPBD. TP.HCM)	2015	4.090.909	0	4.090.909	
6	Máy đêm tiên ( VPBD TP.HCM)	2016	2.545.455	0	2.545.455	
7	Bàn làm việc (VPBD. TP.HCM)	2016	4.090.909	0	4.090.909	
8	01 Bàn làm việc nhân viên (VPBD. TP.HCM)	2016	5.454.545	0	5.454.545	
9	Máy in HP 402DN (VPBD. TP.HCM)	2017	4.636.364	0	4.636.364	
10	Máy đêm tiên ( VPBD. TP.HCM)	2018	8.818.182	0	8.818.182	
11	Bộ máy vị tính (VPBD. TP.HCM)	2018	18.310.000	0	18.310.000	
12	Máy nóng lạnh Kangaroo (VPBD TP.HCM)	2021	3.627.273	0	3.627.273	
13	Máy Laptop Dell Vostro 3591 (VPBD TP.HCM)	2021	13.813.636	0	13.813.636	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị để xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
14	Máy đêm (VPPBD TP.HCM)	2022	6.181.818	0	6.181.818	
15	03 quạt đứng (VPPBD TP.HCM)	2023	2.700.000	0	2.700.000	
16	04 Tủ hồ sơ thấp (Phòng Phát hành -> VPPBD. TP HCM)	2020	16.363.636	0	16.363.636	
17	Xe đẩy vé inox (VPPBD TP.HCM)	2021	3.800.000	0	3.800.000	
18	02 Tủ hồ sơ cánh kính phân trên 4 ngăn (VPPBD. TP HCM)	2020	28.818.182	0	28.818.182	
19	Tủ lạnh Aqua AQR-1285AN (VPPBD TP.HCM)	2017	5.900.000	0	5.900.000	
20	Máy fax Brother 2840 (VPPBD TP.HCM)	2024	4.400.000	0	4.400.000	
21	Bộ máy vi tính HP (VPPBD TP.HCM)	2026	20.861.111	19.991.898	20.861.111	
<b>III. TÀI SẢN TẠI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CẦN THƠ (88 B1 Ung Văn Khiêm, Phường Cái Khế, TP. Cần Thơ)</b>						
1	Máy PHOTO RICOH MP 2001L (VPPBD Cần Thơ)	2015	40.636.364	0	40.636.364	
2	Tủ lạnh Dawoo ( VPPBD Cần Thơ)	2010	7.100.000	0	7.100.000	
3	Kết sắt SS 150 (Cần Thơ)	2004	14.900.000	0	14.900.000	
4	Mất phát điện (VPPBD Cần Thơ)	2010	13.218.000	0	13.218.000	
5	Máy lạnh đặt tại VPPBD Cần Thơ	2011	14.230.909	0	14.230.909	
6	Chậu rửa bát (VPPBD Cần Thơ)	2016	2.450.000	0	2.450.000	
7	Xe đẩy vé (VPPBD Cần Thơ)	2015	1.000.000	0	1.000.000	
8	Bàn làm việc (Bộ phận Trả thưởng - Cần Thơ)	2015	3.780.000	0	3.780.000	
9	Bộ máy vi tính (VPPBD Cần Thơ)	2020	13.081.818	0	13.081.818	
10	Tủ bếp (VPPBD Cần Thơ)	2016	5.200.000	0	5.200.000	
11	Bàn làm việc (VPPBD Cần Thơ)	2016	5.000.000	0	5.000.000	
12	Camera (VPPBD Cần Thơ)	2016	3.890.000	0	3.890.000	
13	Máy đêm (VPPBD Cần Thơ)	2021	6.181.818	0	6.181.818	
14	Máy làm nóng lạnh nước uống Toshiba (VPPBD Cần Thơ)	2022	3.324.074	0	3.324.074	
			<b>170.072.983</b>	<b>0</b>	<b>170.072.983</b>	100% giá trị tài sản

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị đề xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
15	Máy tính xách tay Dell Vostro 5620 15 ( A. Sa)	2023	20.000.000	0	20.000.000	
16	Bộ máy vi tính HP VPPD Cần thơ	2023	16.080.000	0	16.080.000	
IV.	<b>NHÀ TẬP THỂ</b> (Số 151 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng)	1992	148.932.000	0	74.466.000	50% giá trị tài sản
B.	<b>DANH MỤC TÀI SẢN KHÔNG MUA BẢO HIỂM</b>		287.397.966	0	0	
	<b>TÀI SẢN TẠI TRỤ SỞ LÀM VIỆC VỎ VẠN KIẾT</b> ( <i>Hư hỏng, đang theo dõi để thanh lý, thanh hủy</i> )		287.397.966	0	0	
1	Máy phát điện HONDA 6500 (VPPD. TP HCM -> P.HC-QT)	2008	19.500.000	0	0	
2	Máy VT Petium4/1.6GB/CD 17" (Phòng PH -> P.HC-QT)	1998	14.887.868	0	0	
3	Máy vi tính P4-2.4GHZ (Ph.HC-QT : Trà)	2002	10.876.000	0	0	
4	Máy Vi tính : SIC : Ph.TCKT ( Doan -> Kho HC)	2006	20.721.418	0	0	
5	Laptop DELL VOSTRO 1400N ( C.Liên -> HC-QT)	2007	13.039.975	0	0	
6	Laptop DELL VOSTRO 1400N ( A.Cảnh)	2008	13.039.975	0	0	
7	Laptop DELL VOSTRO 1400N ( A. Ly ->Thiên HC)	2008	13.039.975	0	0	
8	Laptop DELL VOSTRO 840 ( A. Tiên -> Kho HC-QT)	2009	11.200.000	0	0	
9	Điện thoại di động Samsung Galaxy (P.HC-QT)	2016	13.627.273	0	0	
10	Điện thoại di động Sony (A. Cảnh -> P. HC - QT)	2015	10.718.182	0	0	
11	Điện thoại di động Samsung Galaxy (A.Ly)	2015	16.354.545	0	0	
12	Máy làm nóng lạnh Alaska RB (Phòng TC-LBTL -> P.HC-QT)	2016	3.085.482	0	0	
13	Điện thoại di động Samsung A7 (C.Hoa -> Phòng HC - QT)	2016	9.081.818	0	0	
14	Điện thoại di động Samsung A7 (A.Sa -> P. HC-QT)	2016	9.081.818	0	0	
15	Điện thoại di động Samsung A7 (A.Thảo - TP Phòng KD)	2016	9.081.818	0	0	
16	Máy in HP 402 DN (Phòng phục tra -> P. HC-QT)	2017	4.545.455	0	0	
17	Laptop (A Phước-Phòng Trả thường -> Phòng HC - QT)	2015	11.772.728	0	0	

STT	Tên các tài sản bảo hiểm/Địa chỉ bảo hiểm	Năm sử dụng	Nguyên giá (Đvt: đồng)	Giá trị còn lại (Đvt: đồng)	Giá trị để xuất mua bảo hiểm (Đvt: đồng)	Ghi chú
18	Máy Fax Panasonic KX FL612 (VPDD TP.HCM)	2016	4.909.091	0	0	
19	Máy làm nóng lạnh nước uống Alaska R81C (Phòng TC-LBTL)	2019	2.950.000	0	0	
20	Máy in (Phòng TC-LBTL)	2015	6.545.454	0	0	
21	Bộ vi tính P.Kinh doanh (Trưởng phòng KD)	2011	12.500.000	0	0	
22	Bộ máy vi tính (VPDD Cần Thơ)	2010	7.950.000	0	0	
23	Bộ máy vi tính (Phòng trả thưởng)	2011	9.080.000	0	0	
24	Máy in + vi tính (Phòng phát hành)	2014	13.000.000	0	0	
25	Bộ máy vi tính TLC E750-2G (Phòng Phát hành)	2011	8.636.364	0	0	
26	Máy Fax Panasonic (Phòng Trả thưởng)	2016	4.227.273	0	0	
27	Máy Fax Panasonic 612 (Phòng KD- Bộ phận Lô tô)	2018	4.700.000	0	0	
28	Máy Fax Panasonic KX-FL612 (Phòng Phát hành)	2018	4.700.000	0	0	
29	Máy in kim Epson LQ 310 (Phòng TC-KT - Thuế -> P.HC-QT)	2018	4.545.454	0	0	
<b>TỔNG (=A+B):</b>			<b>135.546.894.955</b>	<b>93.048.606.735</b>	<b>135.185.030.989</b>	